

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTV0170	Nguyễn Thị Mỹ Chi	01/11/2006				8	7.5				6.5		7.0
2	21BTTV0171	Nguyễn Hữu Duy	12/04/2006				9	8.5				8.3		8.4
3	21BTTV0172	Nguyễn Duy Đạt	22/10/2006				9	8				8.5		8.4
4	21BTTV0174	Nguyễn Dương Chí Hải	29/05/2005				8	7				6.8		7.0
5	21BTTV0184	Triệu Trần Văn Tiến Sỹ	02/04/2006				8	10				8.3		8.7
6	21BTTV0186	Võ Minh Thuận	23/08/2004				9	9.5				7.8		8.4
7	21BTTV0187	Phạm Hồng Trí Thức	13/06/2005				9	8.5				9.5		9.2
8	21BTTV0188	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/11/2006				9	10				8.5		9.0
9	21BTTV0189	Nguyễn Hoàng Trọng	11/01/2004				8	8				8.5		8.3
10	21BTTV0191	Nguyễn Hữu Vinh	30/06/2003				8	8.5				9.8		9.2
11	21BTTV0581	Mai Minh Duy	18/02/2006				9	8.5				8.8		8.7

Châu Đốc, ngày 4 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Văn Nhã